TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2025/DS-ST
Ngày: 04-02-2025
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Bà Phan Thị Dòn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Đang- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 422/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1020/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Quỹ trợ vốn X.**

Trụ sở: B, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: N, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngọc H**. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Quang C**. Chức vụ: Phó Chi nhánh Bình Chánh. Địa chỉ: N, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 11/UQ-GĐ ngày 06/3/2024) (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Lê Thị Trúc M**, sinh năm 1977 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đặng Thế V**, sinh năm 1969 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2024, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quang C trình bày:

Ngày 02/3/2020, Quỹ C đã ký hợp đồng liên kết số 030/2020/HĐLK-BC với THT số 02 xã T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh để làm Cấp liên nhiệm cho Quỹ C. Bà Nguyễn Thị Kim N – là người đại diện cho T số 02 xã T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng liên kết với Quỹ C. Mục đích là hỗ trợ vốn cho các hộ dân thuộc T số 02 xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh để chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, mua bán nhỏ,…theo sự giới thiệu và đề nghị của Cấp liên nhiệm.

Thông qua Hợp đồng này Quỹ C đã tiến hành trợ vốn cho 27 thành viên vào ngày 18/11/2022 (có danh sách ký nhận tiền đính kèm), phương thức trợ vốn: góp hàng tháng, thời hạn trợ vốn: 12 tháng, phí trợ vốn C: 0,65%/tháng (phí này dùng trang trải chi phí hoạt động nội bộ của quỹ C - gọi tắt là phí C), phí hoa hồng cho Cấp liên nhiệm: 0,15%/tháng (phí này để Cấp liên nhiệm trang trải các chi phí phục vụ cho quá trình thu hồi vốn phí, tiết kiệm cho Quỹ C - gọi tắt là phí CLN), tiết kiệm bắt buộc là: 1.0%/tháng (khoảng tiết kiệm này được hoàn trả cho thành viên xin trợ vốn khi hoàn tất hợp đồng vay vốn và Quỹ C không trả lãi tiết kiệm trên số dư tiết kiệm này).

Trong đợt trợ vốn ngày 18/11/2022 Bà Lê Thị Trúc M đã làm đơn xin trợ vốn và được duyệt trợ vốn số tiền 30.000.000 đồng. Theo kế hoạch thì bà phải góp hàng tháng là: 3.100.000 đồng trong 11 tháng đầu, tháng cuối góp 2.380.000 đồng và góp đều cho đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 18/11/2023. Thế nhưng bà Lê Thị Trúc M không góp đúng theo kế hoạch ban đầu. Đến ngày 29/11/2024, bà Lê Thị Trúc M vẫn chưa hoàn trả hết số nợ cho Quỹ C. Tổng số tiền nợ sau khi đã trừ tiết kiệm là 17.280.000 đồng, bao gồm nợ vốn: 14.960.000 đồng; Nợ lãi (phí) 2.320.000 đồng và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Lê Thị Trúc M thanh toán nợ.

Do đó, Quỹ C yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Buộc Bà Lê Thị Trúc M (có địa chỉ nêu trên) có trách nhiệm phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ cho Quỹ C tổng cộng số tiền là 17.280.000 (Mười bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn) đồng theo đợt trợ vốn ngày 22/09/2022, bao gồm nợ vốn: 14.960.000 đồng; Nợ lãi (phí) 2.320.000 đồng và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Lê Thị Trúc M thanh toán xong nợ.

2. Nếu bà Lê Thị Trúc M không có khả năng trả nợ thì đề nghị ông Đặng Thế V là người bảo lãnh nghĩa vụ phải trả nợ thay cho bà Lê Thị Trúc M khoản nợ nêu trên.

Bị đơn Bà Lê Thị Trúc M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thế V đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Lê Thị Trúc M và ông Đặng Thế V vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử mà không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

1. Người đại diện theo ủy quyền của Quỹ C có đơn xin xét xử vắng mặt, tuy nhiên có bản tự khai yêu cầu như sau:

- Buộc bà Lê Thị Trúc M (có địa chỉ nêu trên) có trách nhiệm phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ cho Quỹ C tính đến ngày 04/02/2025 tổng cộng số tiền là 18.719.200 (Mười tám triệu, bảy trăm mười chín nghìn, hai trăm) đồng theo đợt trợ vốn ngày 22/09/2022, bao gồm nợ vốn: 14.960.000 đồng; Nợ lãi (phí) 3.759.200 đồng và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Lê Thị Trúc M thanh toán xong nợ.

- Nếu bà Lê Thị Trúc M không có khả năng trả nợ thì đề nghị ông Đặng Thế V là người bảo lãnh nghĩa vụ phải trả nợ thay cho bà Lê Thị Trúc M khoản nợ nêu trên.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn bà Lê Thị Trúc M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thế V vắng mặt không lý do.

3. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh như sau:

- Về tuân theo tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điêm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn giải quyết chưa đảm bảo đúng thời hạn.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:

Quỹ C khởi kiện bà Lê Thị Trúc M yêu cầu thanh toán khoản vay theo Hợp đồng liên kết số 030/2020/HĐLK-BC với THT số 02 xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh để làm Cấp liên nhiệm cho Quỹ C với mục đích hỗ trợ vốn các hộ dân thuộc T số 02 xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh để chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, mua bán nhỏ. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc tranh chấp dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Căn cứ vào Kết quả trả lời xác minh tại Công văn số 1841/TAHBC ngày 29/5/2024 của Công an xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp: *"Bà Lê Thị Trúc M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại T, huyện B, Tp.HCM. Công dân đang thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Ông Đặng Thế V có đăng ký HKTT tại xã T, B, Tp.HCM. Công dân đang thực tế cư trú tại địa chỉ xã T, B, Tp. HCM."*. Do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quang C có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Lê Thị Trúc M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thế V mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ

các văn bản sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập đương sự nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

[3.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ quyết định số: 2539/QĐ-UB, ngày 13/6/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh về việc cho phép thành lập Quỹ trợ vốn X trực thuộc Hội đồng Liên Minh các HTX Việt Nam thành phố;

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 04/02/2025, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Quang C yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Trúc M có trách nhiệm phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ cho Quỹ C, tổng cộng số tiền tính đến ngày 04/02/2025 là 18.719.200 (Mười tám triệu, bảy trăm mười chín nghìn, hai trăm) đồng theo đợt trợ vốn ngày 22/09/2022, bao gồm nợ vốn: 14.960.000 đồng; Nợ lãi (phí) 3.759.200 đồng và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Lê Thị Trúc M thanh toán xong nợ. Nếu bà Lê Thị Trúc M không có khả năng trả nợ thì đề nghị ông Đặng Thế V là người bảo lãnh nghĩa vụ phải trả nợ thay cho bà Lê Thị Trúc M khoản nợ nêu trên.

[3.2]. Căn cứ đơn xin trợ vốn của bà Lê Thị Trúc M và ông Đặng Thế V đề ngày 17/11/2022; với nội dung vay tiền để tiêu dùng, phương thức trợ vốn: góp hàng tháng, thời hạn trợ vốn: 12 tháng, phí trợ vốn C: 0,65%/tháng (phí này dùng trang trải chi phí hoạt động nội bộ của quỹ C - gọi tắt là phí C), phí hoa hồng cho Cấp liên nhiệm: 0,15%/tháng (phí này để Cấp liên nhiệm trang trải các chi phí phục vụ cho quá trình thu hồi vốn phí, tiết kiệm cho Quỹ C - gọi tắt là phí CLN), tiết kiệm bắt buộc là: 1.0%/tháng (khoản tiết kiệm này được hoàn trả cho thành viên xin trợ vốn khi hoàn tất hợp đồng vay vốn và Quỹ C không trả lãi tiết kiệm trên số dư tiết kiệm này). Căn cứ danh sách nhận trợ vốn kiêm biên bản bàn giao vốn ngày vay 18/12/2022 có ký nhận việc giao nhận tiền giữa các bên. Thể hiện bà Lê Thị Trúc M được duyệt và ký nhận số tiền 30.000.000 đồng.

Như vậy, có cơ sở xác định Quỹ trợ vốn X có cho bà Lê Thị Trúc M vay số tiền 30.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng với phí trợ vốn C: 0,65%/tháng (phí này dùng trang trải chi phí hoạt động nội bộ của quỹ C - gọi tắt là phí C), phí hoa hồng cho Cấp liên nhiệm: 0,15%/tháng (phí này để Cấp liên nhiệm trang trải các chi phí phục vụ cho quá trình thu hồi vốn phí, tiết kiệm cho Quỹ C - gọi tắt là phí CLN), tiết kiệm bắt buộc là: 1.0%/tháng (khoản tiết kiệm này được hoàn trả cho thành viên xin trợ vốn khi hoàn tất hợp đồng vay vốn và Quỹ C không trả lãi tiết kiệm trên số dư tiết kiệm này).

[3.3]. Xét tính hợp pháp của sự thỏa thuận cho vay giữa các bên: Hội đồng xét xử xét thấy: Về nội dung và hình thức của đơn đề nghị trợ vốn giữa nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 117, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015, người

tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định pháp luật nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[3.4]. Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên:

- Ngày 18/11/2022 bà Lê Thị Trúc M đã nhận đủ số tiền 30.000.000 đồng; theo thỏa thuận thì bà Lê Thị Trúc M phải trả cho Quỹ trợ vốn X mỗi tháng là 3.100.000 đồng trong 11 tháng đầu, tháng cuối góp 2.380.000 đồng và góp đều cho đến ngày hết hạn hợp đồng là vào ngày 18/11/2023. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ số tiền vay thì bà M không thực hiện việc trả tiền gốc và tiền lãi hàng tháng theo thỏa thuận, cụ thể bà M chưa thanh toán hết cho nguyên đơn đến nay bà M còn nợ số tiền là 18.719.200 (Mười tám triệu, bảy trăm mười chín nghìn, hai trăm) đồng, bao gồm nợ vốn: 14.960.000 đồng; Nợ lãi (phí) 3.759.200 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…*".

- Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *"1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng. 2. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; 3. Trong trường hợp khách hàng vay hoặc người bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản; 4. Tổ chức tín dụng có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng."*

[3.5]. Căn cứ giấy báo nợ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định bà Lê Thị Trúc M đã nhận đủ số tiền vay và đã vi phạm thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ thanh toán; hiện bà Lê Thị Trúc M còn nợ Quỹ trợ vốn X số tiền 18.719.200 (Mười tám triệu, bảy trăm mười chín nghìn, hai trăm) đồng, bao gồm nợ vốn: 14.960.000 đồng; Nợ lãi (phí) 3.759.200 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.6]. Xét yêu cầu về lãi và các khoản phí:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".*

- Sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với Điều 13, Điều 14 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Đối với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận thì nguyên đơn có niêm yết công khai và báo cáo với Ngân hàng nhà nước Việt Nam theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi và phí mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà không cần phải điều chỉnh.

[3.7]. Đối với yêu cầu buộc ông Đặng Thế V có nghĩa vụ trả nợ thay cho Bà Lê Thị Trúc M trong trường hợp bà Lê Thị Trúc M thanh toán không đầy đủ hoặc không thanh toán:

Xét đơn xin trợ vốn ngày 17/11/2022, giữa Quỹ trợ vốn X và bà Lê Thị Trúc M thì ông Đặng Thế V có ký cam kết là người trả nợ thay cho bà Lê Thị Trúc M.

Do bà Lê Thị Trúc M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Đặng Thế V có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Lê Thị Trúc M trong trường hợp bà Lê Thị Trúc M không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ cho Quỹ trợ vốn X.

[3.8] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3.9] Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán thì: Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự .

Điều 117, 119, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 118 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc bà Lê Thị Trúc M trả cho Quỹ trợ vốn X tổng số tiền tính đến ngày 04/02/2025 là 18.719.200 (Mười tám triệu, bảy trăm mười chín nghìn, hai trăm) đồng, bao gồm nợ vốn: 14.960.000 đồng; Nợ lãi (phí) 3.759.200 đồng.

Trường hợp bà Lê Thị Trúc M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả tiền cho nguyên đơn thì ông Đặng Thế V có nghĩa vụ thực hiện việc trả nợ cho Quỹ trợ vốn X theo cam kết bảo lãnh.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Trúc M chịu 935.960 (Chín trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm sáu mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Quỹ trợ vốn X được hoàn lại số tiền 486.250 (Bốn trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi) đồng đã nộp theo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0033842 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự (4);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

2 000014 425200

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền